TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Bản án số: 07/2023/KDTM-ST
Ngày 25-09-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Sơn
Bà Trần Thị Hậu

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2021, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-DKDTM ngày 14 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ kiểm tra kỹ thuật A; địa chỉ: Số X đường A, phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc D-Giám đốc
- Đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Anh T, bà Kha Anh L, ông Bùi Văn S; địa chỉ: X Lê Hồng Phong, phường Y, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (ông T, bà L vắng mặt, ông S có mặt)
- Bị đơn: Công ty Cổ phần L; Địa chỉ: Số X Tản Viên, phường T, quận H, Thành phố Hải Phòng; Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Kế C-Tổng giám đốc. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ kiểm tra kỹ thuật A (gọi tắt Công ty A) và công ty Cổ phần L (gọi tắt công ty L) có ký 02 hợp đồng kinh tế số 0618/HĐKT/L62-A ngày 20-6-2018 và số 0718/HĐKT/L62-A ngày 20-7-2018.

Nội dung hợp đồng: Công ty A cung cấp dịch vụ kiểm tra không phá huỷ thuộc công trình thi công tuyến ống ngầm N2/02/H2 tại Khu công nghiệp Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo đơn giá hai bên đã thoả thuận.

Thực hiện hợp đồng, phía công ty A đã thực hiện theo tiến độ chung của dự án và đúng phạm vi công việc của hợp đồng. Khi thực hiện có làm báo cáo công việc và được đại diện công ty L tại dự án ký biên bản xác nhận khối lượng công việc hoàn thành dịch vụ từng giai đoạn.

Đối với hợp đồng 0718/HĐKT/L62-A, sau khi hoàn thành công việc, đại diện L là ông Vũ Công Đ đã ký Biên bản xác nhận khối lượng số tham chiếu 8464-1850-WCS-004 thời gian thực hiện từ 15-3-2019 đến ngày 25-9-2019. Dựa trên Biên bản xác nhận khối lượng đã được phía L xác nhận, công ty L lập Bảng tổng hợp quyết toán giá trị khối lượng hoàn thành và gửi cho công ty A để thanh toán.

Ngày 20-11-2019, bà Dương Minh T là người phụ trách hồ sơ thanh toán của công ty L dùng thư điện tử thuydm@gmail.com gửi đến thư điện tử của bà D là nhân viên công ty A với nội dung yêu cầu chia khối lượng theo Biên bản xác nhận khối lượng ra thành 02 hoá đơn. Kèm theo thư điện tử là Bảng tổng hợp giá trị hoàn thành giai đoạn lần 3, Bảng tổng hợp quyết toán giá trị khối lượng hoàn thành (hoá đơn 1), Bảng tổng hợp quyết toán giá trị khối lượng hoàn thành (hoá đơn 2) và hợp đồng kinh tế 0618. Ngày 22-11-2019, bà D trả lời thư điện tử cho bà T đồng ý với yêu cầu của công ty L.

Sau khi hai bên thống nhất nội dung trên, phía công ty A đã tiến hành xuất 02 hoá đơn giá trị gia tăng số 0000322 và 0000323 với tổng số tiền công ty L phải thanh toán là 606.001.000 đồng (sáu trăm lẻ sáu triệu không trăm lẻ một nghìn đồng). Ngày 27-11-2019, công ty A đã gửi đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán theo quy định của Hợp đồng gồm: hoá đơn giá trị gia tăng, công văn đề nghị thanh toán, Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành và đã được công ty L ký nhận.

Tuy nhiên, từ khi nhận hồ sơ của công ty A đến nay công ty L không thanh toán cho dù công ty A nhiều lần yêu cầu.

Do đó, công ty A khởi kiện yêu cầu công ty L thanh toán số tiền 606.001.000 đồng (sáu trăm lẻ sáu triệu không trăm lẻ một nghìn đồng) giá trị dịch vụ đã cung cấp và 226.461.744 đồng tiền lãi (tính từ ngày xuất hoá đơn 01-01-2020 đến ngày 25-9-2023 trên số tiền 606.001.000 đồng, mức lãi suất 10%/năm). Tổng giá trị công ty A yêu cầu công ty L thanh toán là 832.462.744 đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 17-3-2022, tại Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng bị đơn Cổ phần L trình bày:

Công ty L chưa tìm thấy hợp đồng kinh tế số 0718/HĐKT/L62-A ngày 20-7-2018 nên không thể trả lời các câu hỏi về nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng. Đối với ông Vũ Công Đ công ty L xác nhận đó là nhân viên kỹ thuật của công ty L. Do không có biên bản xác nhận khối lượng công việc do ông Đ ký nên

công ty L không biết ông Đ xác nhận đúng khối lượng hay không. Về hồ sơ thanh toán phía công ty L chỉ nhận được công văn đề nghị thanh toán và hai hoá đơn 0000322 và 0000323 ngày 22-11-2019 nên chưa đủ điều kiện thanh toán. Đối với yêu cầu trả nợ của công ty A, do công ty L chưa tìm được hợp đồng 0718 nên chưa xác định được tổng giá trị hợp đồng, số tiền đã thanh toán và còn nợ nên chưa trả lời được.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp xác định được Công ty Cổ phần L hiện còn nợ công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ kiêm tra kỹ thuật A số tiền 606.001.000 đồng (sáu trăm lẻ sáu triệu không trăm lẻ một nghìn đồng) giá trị dịch vụ đã cung cấp và 226.461.744 đồng tiền lãi (tính từ ngày xuất hoá đơn 01-01-2020 đến ngày 25-9-2023). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng.

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ dân sự về "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*".

Tại Điều 6 Hợp đồng thoả thuận Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết tranh chấp giữa hai bên. Tuy nhiên, thoả thuận này không có hiệu lực do vi phạm về thẩm quyền cấp xét xử. Theo hợp đồng nơi thực hiện hợp đồng được xác định tại Khu công nghiệp Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty Cổ phần L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Nội dung giải quyết.

[2.1] *Hiệu lực hợp đồng:*

Theo lời khai và tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp xác định, ngày 20-7-2018 giữa Công ty A và công ty L có ký hợp đồng kinh tế số 0718/HĐKT/L62-A. Nội dung hợp đồng Công ty A cung cấp dịch vụ kiểm tra không phá huỷ thuộc công trình thi công tuyến ống ngầm N2/O2/H2 với nội dung công việc, số lượng và giá trị như sau: Kiểm tra RT mối hàn đường ống, Film 10x20cm, số lượng 3.350, đơn giá 160.000 đồng, thành tiền 536.000.000 đồng, kiểm tra RT mối hàn đường ống Film 10x40cm, số lượng 3.755, đơn giá 170.000 đồng, thành tiền 638.350.000 đồng. Tổng giá trị chưa VAT: 1.174.350.000 đồng, tổng giá trị gồm thuế VAT: 1.291.785.000 đồng. Hình thức giá cố định, số lượng, giá trị quyết toán sẽ được tính trên cơ sở số lượng thực tế được xác nhận giữa hai bên. Về phương thức thanh toán sau khi công ty A hoàn thành toàn bộ nội dung hợp đồng, công ty L sẽ thanh toán 100% giá trị hoàn thành trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán gồm: Công văn đề nghị thanh toán, Bảng tổng hợp quyết toán giá trị khối lượng hoàn thành, Hoá đơn giá trị gia tăng. Ngoài ra hợp đồng còn quy định quyền và trách nhiệm của mỗi bên trong quá trình thực hiện hợp đồng. Theo tài liệu chứng cứ tại hồ sơ thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có các hoá đơn số 1420 ngày 08-5-2019, số tiền 226.831.000 đồng, 1419, ngày 08-5-2019, số tiền 517.033.000 đồng, 1207, ngày 27-12-2018 số tiền 249.502.000 đồng và 1206 ngày 27-12-2018 số tiền 195.349.000 đồng, thanh toán cho hợp đồng dịch vụ số 0718/HĐKT/L62_A ngày 207-2018. Công ty A xác nhận phía công ty L đã thanh toán các hoá đơn nêu trên. Do đó, ý kiến của công ty L cho rằng không tìm thấy hợp đồng 0718 là không có cơ sở. Tại hợp đồng số 0718/HĐKT/L62_A ngày 207-2018 do nguyên đơn cung cấp thể hiện được ký kết bởi đại diện theo pháp luật của công ty L là ông Vũ Kế C, và đại diện theo pháp luật của công ty A là ông Trần Quốc D. Nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự, Điều 44 Luật thương mại. Do đó, hợp đồng số 0718/HĐKT/L62_A ngày 207-2018 giữa công ty A và công ty L có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền, nghĩa vụ các bên.

[2.2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp xác định giá trị hợp đồng là 1.174.350.000 đồng. Nhưng các bên thoả thuận giá trị thanh toán dựa trên số lượng thực tế được thực hiện. Các giai đoạn thực hiện hợp đồng đều có đại diện công ty L xác nhận khối lượng. Đối với hai hoá đơn chưa thanh toán 0000322 và 0000323 ngày 22-11-2019 với tổng số tiền là 606.001.000 đồng được ông Vũ Công Đ xác nhận tại Biên bản xác nhận khối lượng số 8464-1850-WCS-004, thời gian thực hiện từ 15-3-2019 đến 25-9-2019.

Dựa trên xác nhận khối lượng số 8464-1850-WCS-004, hai bên thống nhất tách giá trị thanh toán thành hai hoá đơn. Phía công ty A đã xuất 02 hoá đơn số 0000322 và 0000323 ngày 22-11-2019 với tổng số tiền công ty L phải thanh toán là 606.001.000 đồng (sáu trăm lẻ sáu triệu không trăm lẻ một nghìn đồng), trong đó

hoá đơn 0000322 giá trị 421.300.000 đồng thanh toán cho hợp đồng 0718, hoá đơn 000323 giá trị 184.701.000 đồng thanh toán cho hợp đồng 0618. Đối với bị đơn đã được Toà án thông báo nhưng không giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh công ty A có vi phạm hợp đồng hoặc giữa hai bên không phát sinh nghĩa vụ thanh toán số tiền 606.001.000 đồng, nên phải chịu hậu quả của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Như vậy có thể xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng phía công ty A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cung cấp dịch vụ theo hợp đồng dịch vụ số 0718/HĐKT/L62_A ngày 207-2018.

Xét lời khai của công ty L xác định đã nhận được công văn đề nghị thanh toán của công ty A và 02 hoá đơn 0000322 và 0000323 ngày 22-11-2019. Tuy nhiên, chưa nhận được hồ sơ thanh toán như đã thoả thuận trong hợp đồng nên không đủ điều kiện thanh toán thì thấy: Theo tài liệu chứng cứ công ty A cung cấp thể hiện ngày 27-11-2019, công ty A đã gửi cho công ty L bộ hồ sơ thanh toán và công ty L đã nhận được ngày 28-11-2019. Tại các hoá đơn 0000322 và 0000323 ngày 22-11-2019 có thể hiện kèm theo hoá đơn là Bảng tổng hợp giá trị thanh toán. Ngoài ra, ngày 20-11-2019, khi công ty L yêu cầu công ty A yêu cầu chia khối lượng thanh toán có gửi kèm các Bảng tổng hợp giá trị thanh toán. Do đó, ý kiến của công ty L về việc chưa nhận được hồ sơ thanh toán là không có cơ sở.

Điều 85 Luật thương mại quy định:

"Trừ trường hợp có thoả thuận khác, khách hàng có nghĩa vụ sau đây:

1. Thanh toán tiền cung ứng dịch vụ như đã thoả thuận trong hợp đồng…"

Như vậy yêu cầu của công ty A buộc công ty L thanh toán số tiền 606.001.000 đồng (sáu trăm lẻ sáu triệu không trăm lẻ một nghìn đồng) giá trị dịch vụ là có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi của công ty A thì thấy: Theo trình bày của công ty A và công ty L đều xác nhận công ty L chưa thanh toán giá trị dịch vụ hai hoá đơn 0000322 và 0000323 ngày 22-11-2019. Tại phiên toà công ty A xác định tính đến thời điểm xét xử công ty L vẫn chưa thanh toán. Theo Điều 3 Hợp đồng quy định "Sau khi bên B (công ty A) hoàn thành toàn bộ nội dung hợp đồng đã ký. Bên A (công ty L) thanh toán đến 100% giá trị hoàn thành trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán của bên B.". Như đã phân tích ở mục 2.2, ngày 28-11-2019 công ty L đã nhận bộ hồ sơ thanh toán của công ty A, tuy nhiên vẫn không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại quy định:

"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Theo xác minh lãi suất quá hạn 03 Ngân hàng TMCP Kiên Long, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam thì mức lãi suất quá hạn trung bình là 16.35%/năm.

Do đó, A yêu cầu công ty L trả tiền lãi trên số tiền 606.001.000 đồng từ ngày 01-01-2020 tạm tính đến ngày 25-9-2023, với mức lãi suất 10%/năm, thành tiền 226.461.744 đồng là thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình và có lợi hơn cho bị đơn công ty L nên được chấp nhận.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ kiểm tra A được chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần L phải chịu án phí phần yêu cầu được Tòa án chấp nhận: 832.462.744 đồng là 36.000.000 đồng + 3% x 32.462.744 đồng = 36.973.000 đồng.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 74, 85, 87, 306 Luật thương mại.

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ kiểm tra A về "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*" đối với công ty Cổ phần L

Buộc công ty Cổ phần L có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ kiểm tra A số tiền 832.462.744 đồng (tám trăm ba mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó 606.001.000 đồng (sáu trăm lẻ sáu triệu không trăm lẻ một nghìn đồng) giá trị dịch vụ và 226.461.744 đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng) tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày xét xử 25 tháng 9 năm 2023.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án, thì hàng tháng còn phải thanh toán tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, trên số tiền phải thi hành án trong thời gian chưa thi hành án, cho đến khi thi hành án xong.

1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần L phải nộp án phí 36.973.000 đồng (ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ kiểm tra A số tiền 15.873.000 đồng (mười lăm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005516 ngày 19 tháng 10 năm 2021, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ.

2. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Huỳnh Thanh Trà